

Bản án số: 593/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Phúc Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lương Thị Cúc

2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh:**  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 374/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐ-HPT ngày 29/8/2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thụy Ngọc T, sinh năm 1999

Địa chỉ thường trú: 54 đường S, Phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng Tuấn T, sinh năm 1998

Địa chỉ thường trú: 884 đường H, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Ngọc T trình bày: Bà và ông Nguyễn Hoàng Tuấn T tự nguyện chung sống từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 do Ủy ban nhân dân Phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/4/2019, có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 09/7/2019.

Sau khi kết hôn vợ chồng không về sống chung nhà với nhau, cả bà T và ông T đều ở nhà mẹ đẻ của mình, thỉnh thoảng có qua lại gặp nhau, khi đó vợ

chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là về kinh tế, ông T không hỗ trợ bà T chi phí sinh hoạt và nuôi con, hơn nữa ông T không có sự quan tâm, chia sẻ với vợ, con nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến tháng 3/2023, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, hai bên không còn hòa hợp nhau về mọi mặt, không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Hoàng Tuấn T.

Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 09/7/2019 cho đến khi thành niên; bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hoàng Tuấn T trình bày:* Ông thống nhất với phần trình bày của bà T về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên ông nhận thấy thời gian đầu sau khi kết hôn đời sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc cho đến sau khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là thu nhập của ông không ổn định để lo cho vợ con, tuy nhiên thời gian sau này ông có hỗ trợ tiền cho vợ trong việc nuôi con. Ngoài ra, giữa ông và ba vợ có bất hòa không giải quyết được nên không được gia đình vợ tạo điều kiện khi qua thăm nom con nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt hơn. Nay ông xác định vẫn còn tình cảm với bà T, ông không đồng ý trước yêu cầu xin ly hôn của bà T và xin Tòa án cho thêm thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 09/7/2019 cho bà T trực tiếp nuôi đến khi thành niên, hai bên tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Tuấn T vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 34/CV-VKS-HNGĐ ngày 22/8/2023 về việc không tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thụy Ngọc T thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Ngọc T đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Tuấn T có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Tuấn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thụy Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng Tuấn T phát sinh từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[5]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Ngọc T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là về kinh tế, ông T không hỗ trợ bà T chi phí sinh hoạt và nuôi con, hơn nữa ông T không có sự quan tâm, chia sẻ với vợ, con nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến tháng 3/2023, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nay bà T xác định không còn tình cảm với ông T và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Hoàng Tuấn T.

Phía bị đơn ông Nguyễn Hoàng Tuấn T xác nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ sau khi sinh con chung do ông không có thu nhập ổn định, không đảm bảo chi phí sinh hoạt cho vợ con nên từ đó làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, ngoài ra giữa ông và gia đình bên vợ có xảy ra bất hòa không giải quyết được nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt hơn. Tuy nhiên ông xác định vẫn còn tình cảm với bà T nên yêu cầu Tòa án tiếp tục cho thêm thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...*”. Qua lời trình bày của bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên bất đồng quan điểm về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung. Tòa án đã triệu tập ông T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông T tại phiên tòa, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án ông T có ý kiến còn tình cảm với bà T nhưng

xét thấy tình cảm từ một phía của ông T không thể tạo nên tình nghĩa vợ chồng, nền tảng hạnh phúc gia đình cần phải có sự cùng nhau vun đắp, xây dựng hạnh phúc của cả vợ và chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[5.2]. Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 09/7/2019. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi thành niên; bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T có ý kiến trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông đồng ý giao con bà T trực tiếp nuôi. Vì lợi ích về mọi mặt của trẻ, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Thanh N cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên; ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[5.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bà T và ông T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Tuấn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31 do Ủy ban nhân dân Phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/4/2019 cho bà Nguyễn Thụy Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng Tuấn T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thụy Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng Tuấn T có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 09/7/2019.

Giao trẻ Nguyễn Thanh N cho bà Nguyễn Thụy Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thụy Ngọc T không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Tuấn T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Nguyễn Thụy Ngọc T.

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Nguyễn Hoàng Tuấn T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thụy Ngọc T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Hoàng Tuấn T.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thụy Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng Tuấn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thụy Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0013396 ngày 22/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thụy Ngọc T đã nộp đủ án phí.

III. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thụy Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

IV. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Phúc Trường**